TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **394**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Ông Huỳnh Hồng Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 643/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Trần Thùy T1** – sinh năm 1995; Địa chỉ: 211/41A H, Phường NX, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có đơn xin vắng mặt)*

2. Bị đơn: Ông **Trần Hữu Phương T2** – sinh năm 1994; Địa chỉ: 33 Đ, Phường LL, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Trần Thùy T1 và ông Trần Hữu Phương T2 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2016 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 11/10/2016 do Ủy ban nhân dân Phường LL, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi cưới cả hai về chung sống tại Phường LL, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bà T1 trình bày, hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Ông T2 không quan tâm chăm sóc đến gia đình dẫn đến vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, mặc dù bà đã nhiều lần cố gắng chịu đựng và hòa giải nhưng không thu được kết quả. Cả hai đã sống ly thân từ cuối năm 2017. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có sống chung cũng không hạnh

phúc nên bà T1 xin ly hôn với ông T2 để mỗi người sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà T1 khai cả hai không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 khai không có.

Bị đơn – ông Trần Hữu Phương T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà T1 có đơn xin vắng mặt do bận công việc và giữ nguyên ý kiến cũng như yêu cầu đã trình bày trước Tòa.

Bị đơn - ông T2 vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà T1 có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T2. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T2 đang cư ngụ tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Toà án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 11/10/2016 do Ủy ban nhân dân Phường LL, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 175, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T2.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T1 có yêu cầu ly hôn với ông T2. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà T1 trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T2 có nhiều mâu thuẫn dẫn đến không hạnh phúc. Toà án đã nhiều lần triệu tập ông T2 đến Toà để trình bày ý kiến và giải quyết vụ án nhưng ông T2 vắng mặt, cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa chứng tỏ sự thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của bà T1 và ông T2 không hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T1.

[3.2] Về con chung: Bà T1 khai cả hai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 khai không có, ông T2 vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/10/2020, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - bà Nguyễn Trần Thùy T1:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Trần Thùy T1 được ly hôn với ông Trần Hữu Phương T2.

- Về con chung: Bà T1 khai cả hai không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu ông T2 có yêu cầu giải quyết về con chung thì sẽ được xem xét ở một vụ án khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu ông T2 có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được xem xét ở một vụ án khác.

2. *Về án phí:*

Bà Nguyễn Trần Thùy T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng mà bà T1 đã nộp theo biên lai số 0030741 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà T1 không phải nộp thêm án phí.

3. *Quyền kháng cáo:*

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Bình;
- UBND Phường LL, Q.Tân Bình (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 207 ngày 11/10/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Văn Hiếu